

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2023/DSST**.

Ngày: 14/6/2023

V/v “tranh chấp HĐ vay TS”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

2/ Ông **Lư Thành Danh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông **Tô Minh Phú** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2023. Về tranh chấp “**Hợp đồng vay tài sản**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2023/QĐST - DS, ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 567, Khu vực Th L, phường P T, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: ông **Bùi Việt Dũng**, sinh năm 1960

Địa chỉ: số 28/9, đường Mậu Thân, khu vực 5, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (Giấy ủy quyền ngày 10/02/2023). Có mặt

Bị đơn: Ông **Trương Hồng S**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 198, Khu vực P L, phường T P, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Có mặt

Người làm chứng: Bà **Bùi Thị Mỹ L** (là vợ bị đơn); sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 198, Khu vực P L, phường T P, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2023 và Biên bản hòa giải ngày 22/5/2023 **nguyên đơn trình bày:**

Ngày 15/03/2010, Nguyễn Thanh H có cho ông Trương Hồng S vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Thời gian vay 06 tháng (sáu tháng), thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Ông Sơn có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00209 cho ông Hoàng để bảo đảm cho khoản vay. Hai bên có lập Hợp đồng thế chấp vay tiền ngày 15/3/2010, công chứng số 899, quyền số I/2010/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Cần Thơ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2010 công chứng số 900, quyền số I/2010/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Cần Thơ.

Đến ngày 15/4/2010 ông Trương Hồng S vay thêm 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tổng cộng hai lần vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), có làm Biên nhận ngày 15/4/2010.

Ngày 26/05/2011, ông Trương Hồng S có trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và xin ông Hoàng cho mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chỉnh lý xong sẽ đưa lại (có Biên nhận ngày 26/5/2011). Nhưng ông Sơn không thực hiện theo cam kết với ông Hoàng. Cả hai lần vay đến nay phía ông Sơn đều chưa thanh toán tiền lãi và đến nay vẫn chưa thanh toán nợ gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) còn lại.

Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Trương Hồng S trả nợ gốc 30.000.000 đồng. Tính lãi 20%/năm từ ngày 15/3/2010 đến ngày 15/3/2012 là 24 tháng lãi, số tiền lãi là 11.520.000 đồng. Đồng thời số nợ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) ông Sơn cũng chưa trả tiền lãi nên yêu cầu ông Sơn trả số tiền lãi theo mức lãi suất là 1,6%/tháng, tính từ ngày 15/4/2010 đến ngày 26/5/2011 là 10.400.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Sơn phải trả cho ông Hoàng là **51.920.000 đồng** (Năm mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả tại giai đoạn thi hành án từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án đến khi trả hết nợ. Và yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2010.

Bị đơn Trương Hồng S thừa nhận ông có vay của ông Nguyễn Thanh H 02 lần tổng số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), bị đơn thừa nhận có giao kết với nguyên đơn bằng Hợp đồng thế chấp vay tiền ngày 15/3/2010, công chứng số 899, quyền số I/2010/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Cần Thơ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2010 công chứng số 900, quyền số I/2010/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Cần Thơ. Nhưng sau đó khoảng 01 năm thì ông có đến nhà gặp cha của ông Hoàng là ông Năm Lơ (không biết rõ họ tên) để trả số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) bao gồm gốc và lãi của hai lần vay. Ông Lơ trả lại cho ông bản chính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp số H00209 (AD 409 896) do UBND quận Cái Răng cấp ngày 18/11/2005. Việc trả tiền hai bên

không có làm biên nhận. Riêng Biên nhận ngày 26/5/2011 ông không biết gì về biên nhận này, ông cũng không ký tên vì không biết chữ. Ông Sơn không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận ngày 26/5/2011.

Do đã trả nợ gốc và lãi xong hết nên bị đơn không đồng ý trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Chỉ chấp nhận hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2010 vì thực tế không chuyển nhượng mà chỉ đảm bảo cho khoản vay đã thanh toán nợ xong hết nhiều năm nay. Ngoài ra, do các giao dịch giữa hai bên lập từ năm 2010 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện nên bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đòi ông Trương Hồng S trả nợ gốc đã vay 30.000.000 đồng, tiền lãi 20%/năm từ ngày 15/3/2010 đến ngày 15/3/2012 là 24 tháng lãi, số tiền là 11.520.000 đồng. Đồng thời số nợ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 1,6%/tháng, tính từ ngày 15/4/2010 đến ngày 26/5/2011 là 10.400.000 đồng, tổng cộng là **51.920.000 đồng** (Năm mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn Trương Hồng S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay và lãi suất của phía nguyên đơn.

Hai bên thống nhất hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2010 công chứng số 900, quyền số I/2010/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Cần Thơ.

Đại diện Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- **Về nội dung giải quyết vụ án:** căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn và ghi nhận việc thỏa thuận Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2010. Riêng về nợ lãi thì không chấp nhận do đã hết thời hiệu khởi kiện. Nội dung cụ thể được trình bày tại Bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa (kèm theo hồ sơ).

Sau khi nghe ý kiến phát biểu của phía nguyên đơn, bị đơn và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là Hợp đồng thế chấp vay tiền ngày 15/3/2010, công chứng số 899, quyền số I/2010/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Cần Thơ bản gốc (BL 01-2) thể hiện bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả

cho bên cho vay tài sản theo thỏa thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về số nợ gốc, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định ông Trương Hồng S có vay của ông Nguyễn Thanh H 02 lần tổng số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Tại Biên bản hòa giải ngày 22/5/2023 (BL 55-56) và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cùng ngày 22/5/2023 (BL 57-59), hai bên đều xác nhận ông Trương Hồng S có vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) của ông Nguyễn Thanh H. Để bảo đảm tiền vay hai bên có ký Hợp đồng thế chấp vay tiền ngày 15/3/2010, công chứng số 899, quyển số I/2010/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Cần Thơ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2010 công chứng số 900, quyển số I/2010/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Cần Thơ. Và ngày 15/4/2010 bị đơn vay thêm 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), có làm Biên nhận tay (mặt sau BL 01).

[3] Không có cơ sở chấp nhận việc bị đơn đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) thông qua ông Nguyễn Văn Lơ (Năm lơ) là người nhận. Bởi lẽ người làm chứng Nguyễn Văn Lơ không thừa nhận việc bị đơn thanh toán số tiền này, chỉ nghe nói lại (BL 68) và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh. Bị đơn trình bày không biết Biên nhận ngày 26/5/2011 (mặt sau của BL 03), không ký tên vì không biết chữ nhưng lại thừa nhận có ký tên Biên nhận ngày 15/4/2010 (mặt sau BL 01), điều này là mâu thuẫn không hợp lý. Và bị đơn cũng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận này nên Tòa án không có cơ sở xem xét thêm. Phía nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn có thanh toán được số nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn Trương Hồng S phải trả số nợ gốc cho nguyên đơn là 80.000.000 đồng – 50.000.000 đồng = **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng).

[4] Về lãi suất: hai bên đã thống nhất xác định hợp đồng vay tiền giữa các bên được xác lập vào ngày 15/3/2010 và 15/4/2010, thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày người yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm theo qui định tại Điều 429 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Thời hạn vay là 06 tháng nên tính đến ngày 16/9/2010 và ngày 16/10/2010 thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Bị đơn cũng có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật (BL 49) và yêu cầu được đưa ra trước khi Tòa án ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc nên được chấp nhận theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 631/2021/CV-TA ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, khi có yêu cầu áp dụng thời hiệu và thời hiệu khởi kiện đã hết theo qui định hiện hành thì Tòa án giải quyết việc trả lại nợ vốn, còn yêu cầu thanh toán

tiền lãi thì không giải quyết. Do đó yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn không được chấp nhận.

[5] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Riêng về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2010 công chứng số 900, quyển số I/2010/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Cần Thơ, cả hai bên đều xác định là Hợp đồng lập giả cách chỉ để đảm bảo khoản vay chứ không phải chuyển nhượng thật. Hợp đồng này vô hiệu do nội dung giả tạo theo qui định tại Điều 124 Bộ luật dân sự. Nên yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2010 của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do cả hai bên đương sự đều thống nhất hủy Hợp đồng nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[7] Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định bà Bùi Thị Mỹ L (vợ của bị đơn) không có liên quan đến việc vay tiền của bị đơn nên không có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cùng bị đơn. Đây là thỏa thuận tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 5% (51.920.000 đồng – 30.000.000 đồng) = **1.096.000 đồng** (Một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Bị đơn chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 5% (30.000.000 đồng) = 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Nhưng bị đơn Trương Hồng S không phải nộp do là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, **184**, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 124, 166, 357, 429, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của ông **Nguyễn Thanh H**. Buộc ông **Trương Hồng S** có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh H số nợ gốc **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Bác yêu cầu đòi nợ lãi của ông **Nguyễn Thanh H** đối với ông **Trương Hồng S** do hết thời hiệu khởi kiện.

3/ Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn: thống nhất **Hủy** Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2010 công chứng số 900, quyền số I/2010/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Cần Thơ được ký kết giữa ông **Nguyễn Thanh H** và ông **Trương Hồng S**.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn **Nguyễn Thanh H** phải nộp **1.096.000 đồng** (Một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.904.000 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003055 ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng. Ông Nguyễn Thanh H được nhận lại 1.808.000 đồng (Một triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng).

- Bị đơn **Trương Hồng S** là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung